TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày 05/4/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.
2. Bà Dương Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 357/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 19/2/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 4E3 đường Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Lệ T1, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 6K9 đường H, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/9/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà cho bà T1 mượn tiền như sau:

Ngày 13/4/2015, số tiền 12.000.000 đồng, góp 1.000.000 đồng/tháng. Bà T1 chỉ đóng được 2 tháng, còn nợ là 10.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2015, mượn thêm số tiền 9.000.000 đồng, góp 1.000.000 đồng/tháng. Bà T1 chỉ đóng được 1 tháng, còn nợ là 8.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2016, mượn 7.200.000 đồng, góp 120.000 đồng/ngày. Bà T1 chỉ đóng 3 ngày được 360.000 đồng, còn nợ là 6.840.000 đồng.

Tổng cộng, bà T1 còn nợ bà số tiền 10.000.000 đồng + 8.000.000 đồng + 6.840.000 đồng = 24.840.000 đồng. Bà T yêu cầu bà T1 trả 24.840.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày: Biên nhận ngày 13/4/2015 số tiền 12.000.000 (vốn 10.000.000 đồng + lãi 2.000.000 đồng), để bà T1 góp mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà T1 góp được 2 tháng là 2.000.000 đồng. Biên nhận ngày 11/6/2015 số tiền 9.000.000 đồng (vốn 8.000.000 đồng + lãi 1.000.000 đồng) để bà T1 trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà T1 trả được 1 tháng là 1.000.000 đồng. Biên nhận ngày 26/3/2016 số tiền vốn 7.200.000 đồng, lãi tính sau, để bà T1 trả góp 120.000 đồng/ngày, bà T1 trả được 3 ngày là 360.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T1 trả vốn còn lại của biên nhận ngày 13/4/2015 số tiền 8.000.000 đồng, biên nhận 11/6/2015 số tiền 7.000.000 đồng và biên nhận ngày 26/3/2016 số tiền 6.840.000 đồng, tổng cộng là 21.840.000 đồng (8.000.000 đồng + 7.000.000 đồng + 6.840.000 đồng).

- Bị đơn là bà Phạm Thị Lệ T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà T1 vẫn không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T và bà T1 đều vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Lệ T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Lệ T1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Biên nhận ngày 13/4/2015, thể hiện bà T1 mượn của bà T số tiền 12.000.000 đồng, theo bà T trong đó vốn là 10.000.000 đồng, lãi 2.000.000 đồng, bà T1 đã trả 2.000.000 đồng. Biên nhận ngày 11/6/2015, thể hiện bà T1 mượn của bà T số tiền 9.000.000 đồng, theo bà T trong đó vốn 8.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng, bà T1 đã trả 1.000.000 đồng. Biên nhận ngày 26/3/2016, thể hiện bà T1 mượn của bà T số tiền 7.200.000 đồng, theo bà T tiền vốn 7.200.000 đồng, bà T1 đã trả 360.000 đồng. Bà Phạm Thị Lệ T1 thì không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Như vậy, theo 03 biên nhận mượn tiền thì tổng cộng số tiền 28.200.000 đồng, theo bà T trong đó tiền vốn 25.200.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng, bà T1 đã trả được 3.360.000 đồng, còn lại tiền vốn 21.840.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T1 trả tiền vốn 21.840.000 đồng là có lợi cho bà T1, nên bà Phạm Thị Lệ T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 21.840.000 đồng (8.000.000 đồng + 7.000.000 đồng + 6.840.000 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T, buộc bà Phạm Thị Lệ T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 21.840.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T1 trả số tiền 21.840.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ với số tiền 21.840.000 đồng, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà T1 phải chịu toàn bộ án phí với mức thu là 1.092.000 đồng (21.840.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc bà Phạm Thị Lệ T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 21.840.000 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành chưa thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Lệ T1 phải chịu 1.092.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hòan lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 621.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0013503 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Lệ T1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thủy

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS thành phố Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu.